

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐST

Ngày: 23-02-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 905/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh B, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Quang Thị H, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, phường T, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Ông T và bà Quang Thị H chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh N. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà H đã bỏ nhà đi từ năm 2013 cho đến nay, ông T và gia đình không biết bà H đi đâu, làm gì. Ông T đã tìm cách liên lạc và tìm kiếm bà H khắp nơi nhưng không biết bà H ở đâu, còn sống hay đã chết. Qua tìm kiếm không có kết quả, năm 2020, ông T đã làm thủ tục yêu cầu tuyên bố bà Quang Thị H mất tích. Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đã chấp nhận yêu cầu của ông T, tuyên bố bà H mất tích. Tính từ năm 2013 cho đến nay đã là 07 năm nhưng ông T không có thông tin gì của bà H, không biết khi nào bà H quay trở về. Nhận thấy quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy ông T yêu cầu được ly hôn với bà Quang Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà H có 01 con chung là cháu Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 21/8/2011. Từ khi bà H bỏ đi cho đến nay, cháu Thúy A do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó ông T yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thúy A. Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Quang Thị H đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 12/2020/QĐST-VDS ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích của bà H theo quy định nhưng không có thông tin phản hồi từ bị đơn bà H.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn T; giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Phạm Văn T khởi kiện bị đơn bà Quang Thị H về việc tranh chấp ly hôn. Bị đơn bà H đã bị tuyên bố mất tích, có địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi mất tích tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Phạm Văn T và bà Quang Thị H kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2009, hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh N, là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn ông T, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, khiến hôn nhân không hạnh phúc. Năm 2013, bà H tự ý bỏ đi không thông báo với chồng và gia đình. Ông T và gia đình đã cố gắng liên lạc và tìm kiếm khắp nơi nhưng không có thông tin bà H ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Quá trình tìm kiếm không có kết quả, năm 2020, căn cứ đơn yêu cầu của ông T và các T liệu chứng cứ thu thập được, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đã tuyên bố bà Quang Thị H mất tích.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn ông T, cũng như nội dung biên bản xác minh tại địa phương và Quyết định số 12/2020/QĐST-VDS ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát về việc tuyên bố bà Quang Thị H mất tích, nhận thấy bà H đã biệt tích từ năm 2013 đến nay là 07 năm, không có thông tin bà H ở đâu, còn sống hay đã chết. Vì vậy ông T cho rằng quan hệ hôn nhân với bà H không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được là hoàn toàn có căn cứ. Cần chấp nhận cho ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Quang Thị H theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là cháu Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 21/8/2011. Bà H đã mất tích, từ năm 2013 cho đến nay, cháu Thúy A do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó cần chấp nhận cho ông T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thúy A. Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về T sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T đối với bị đơn bà Quang Thị H về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Về hôn nhân: Ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Quang Thị H.

Về con chung: Ông Phạm Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 21/8/2011. Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi chung nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung dưới 18 tuổi, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0048271 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi Hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh N;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nhung